TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 465/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Trường An;

Bà Đỗ Mỹ Lil.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phạm Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 720/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 469/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Yến L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Hoài B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Địa chỉ: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Yến L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B sống chung năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S. Hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Có hai người con chung, cháu Trần Thảo N, sinh năm 2004 và Trần Trí N1, sinh ngày 20/7/2010. Hiện cháu Thảo N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết; cháu Trí N1 hiện đang sống cùng anh chị, chị đồng ý giao cháu Trí N1 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định tự thõa thuận với anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Hoài B trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị L về thời gian chung sống,

thời gian kết hôn, hôn nhân là do anh tự nguyện lựa chọn không ép buộc. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau, anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị L, mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai người con chung, cháu Trần Thảo N, sinh năm 2004 và cháu Trần Trí N1, sinh ngày 20/7/2010. Cháu Thảo N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết; cháu Trí N1 hiện đang sống cùng anh chị, anh đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trí N1, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định tự thõa thuận với chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh B có nơi trú tại thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh B, đồng ý giao con chung cho anh B nuôi dưỡng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/10/2020 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn, anh B không đồng ý ly hôn nhưng anh không có giải pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng cũng như không thuyết phục, tạo niềm tin cho chị L đồng ý tiếp tục chung sống với anh, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: Anh chị có hai người con chung, cháu Trần Thảo N, sinh năm 2004 và cháu Trần Trí N1, sinh ngày 20/7/2010. Cháu Thảo N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết; cháu Trí N1 hiện đang sống cùng anh chị, cả hai cùng thống nhất giao cháu Trí N1 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa ghi nhận nguyện vọng của cháu Trí N1 và cháu yêu cầu được sống chung với anh B. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trí N1 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện cụ thể các bên và sự phát triển của cháu.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh B không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị thống nhất xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí*:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình anh B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Yến L và anh Trần Hoài B.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Trí N1, sinh ngày 20/7/2010 cho anh Trần Hoài B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Yến L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Yến L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005723 ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hợp